

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thảo; ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/2/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn H; sinh năm: 1991; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là anh H còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để gia đình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 khi chị mang thai con thứ

2 thì anh H lại tiếp tục ngoại tình. Do đó vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân nhau anh H thường xuyên gây gổ, chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị. Nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Võ Thị Hoài A, sinh ngày 21/3/2015 và Võ Hoài P, sinh ngày 23/8/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn H: Không có mặt theo các thông báo, không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.

Ngày 06/01/2023, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến trực tiếp tại nhà anh Võ Văn H để lấy lời khai nhưng anh H không có mặt nên không trực tiếp lấy lời khai được. Tại buổi làm việc bà Võ Thị N (Mẹ đẻ của anh H) cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh chị được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, gia đình bà đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản khác, bà đã thông báo cho anh H biết, anh H trả lời: Anh H bận đi làm ăn, không có thời gian về giải quyết. Chị T làm đơn xin ly hôn thì tự chị T ly hôn đơn phương.

Đồng thời, bà N đã cung cấp số điện thoại của anh H là 0343314614; Thư ký Tòa án đã trực tiếp gọi điện thoại cho anh H và thông báo cho anh H biết về quá trình Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án thì anh H trả lời: Về hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn vì giữa vợ chồng đã có con chung, trường hợp chị T nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết đơn phương; về con chung, anh H thừa nhận vợ chồng có 2 người con chung, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc với ông Đinh Ngọc H - Trưởng Công an xã H, huyện Hương Khê cung cấp thông tin: Anh Võ Văn H có đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện tại tại địa phương, không đăng ký tạm trú ở nơi nào khác. Tuy nhiên, quá trình sinh sống tại địa phương thì anh H không thường xuyên có mặt tại địa phương, vì đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng anh H có về thăm gia đình.

Ý kiến của cháu Võ Thị Hoài A (trên 07 tuổi) trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung cùng với mẹ.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh của con; xác

nhận thông tin nơi cư trú của anh Võ Văn H; giấy xác nhận thu nhập đề ngày 01/3/2023; xác nhận của trường Mầm non T đề ngày 28/02/2023; xác nhận của trường Tiểu học T đề ngày 28/02/2023.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai không rõ lý do, do đó đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX: Về hôn nhân, chị T và anh H trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, thậm chí còn đánh đập nhau, chứng tỏ mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên đề nghị HĐXX xử cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung, vợ chồng có 2 con chung tên là Võ Thị Hoài A, sinh ngày 21/3/2015 và Võ Hoài P, sinh ngày 23/8/2019, vì hiện nay các con sống ổn định cùng với chị T, anh H không có mặt, không có yêu cầu trực tiếp nuôi con, do đó đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, các bên đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Văn H có địa chỉ cư trú tại xóm 4, xã H, huyện Hương Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự. Nguyên đơn có mặt nhưng bị

đơn đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Võ Văn H nhưng bị đơn đã 2 lần vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hào theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn H và chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự do, tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 24/2012 ngày 15/5/2012, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh H có nảy sinh mâu thuẫn, từ năm 2021 đến nay chị T cùng với 2 con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Đ, xã T, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh sinh sống và vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng, anh H biết rõ Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, đồng ý cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Võ Thị Hoài A, sinh ngày 21/3/2015, hiện đang học lớp 2A Trường Tiểu học T và Võ Hoài Phương, sinh ngày 23/8/2019, hiện đang học lớp 3 tuổi tại Trường Mầm non T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con. Hiện tại chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, các cháu được chị T cho đi học đầy đủ, có xác nhận của nhà trường nơi các con đang theo học. Anh H đi làm ăn xa, thi thoảng mới về thăm gia đình, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho anh H biết về quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Hơn nữa cháu Hoài A (nay trên 7 tuổi) trình bày ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý, phát triển bình thường của con như ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung tên là Võ Thị Hoài A, sinh ngày 21/3/2015 và Võ Hoài P, sinh ngày 23/8/2019, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007863 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Võ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Hương G;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

